# BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màn hình quảng cáo kỹ thuật số Hikvision DS-D6050UN-DP

| 1. THÔNG TIN SẢN PHẨM | |
|---|---|
| **Model sản phẩm** | DS-D6050UN-DP |

| 2. MÀN HÌNH | |
|---|---|
| **Kích thước màn hình** | 50 inch |
| **Nhiệt độ màu** | 10000K |
| **Độ phân giải** | 3840 × 2160 |
| **Vùng hiển thị thực tế** | 1095.84 (H) mm × 616.411 (V) mm |
| **Mật độ điểm ảnh (Pixel Pitch)** | 0.28539 (H) mm × 0.28539 (V) mm |
| **Đèn nền** | E-LED |
| **Góc nhìn** | 178°(H)/178°(V) |
| **Độ sáng** | 500 cd/m² |
| **Tỷ lệ tương phản** | 1200:1 |
| **Độ sâu màu** | 10 bit (8 bit + FRC) |
| **Thời gian phản hồi** | 8 ms |
| **Dải màu** | 85% NTSC |
| **Độ tin cậy** | 7 × 24 giờ |
| **Tần số quét** | 60 Hz |
| **Độ mờ bề mặt (Haze)** | 25% |

| 3. HỆ THỐNG TÍCH HỢP | |
|---|---|
| **Hệ điều hành** | Android 13 |
| **Bộ xử lý** | Cortex-A55, 4 nhân, xung nhịp 1.92 GHz |
| **Bộ nhớ RAM** | 4 GB |
| **Bộ nhớ trong** | 32 GB EMMC |
| **Định dạng video hỗ trợ** | AV1, H.265, H.264/AVC, MVC, VP9, AVS2, MPEG4, MPEG2, MPEG1, VP8, MJPEG, H263 |
| **Định dạng âm thanh hỗ trợ** | MPEG, APE, FLAC, AAC, OGG, AIF, AIFF, ALAW, ALAC |

| 4. CỔNG KẾT NỐI | |
|---|---|
| **Đầu vào hình ảnh & âm thanh** | HDMI × 3, DP × 1 |
| **Đầu ra hình ảnh & âm thanh** | LINE OUT × 1, loa (6Ω 10 W) × 2 |
| **Kết nối mạng** | RJ45 × 1, Wi-Fi (2.4G/5G, 802.11 a/b/g/n/ac/ax) × 1, RS232 vào × 1, RS232 ra × 1 |
| **Giao tiếp truyền dữ liệu** | USB 2.0 × 1, USB 3.0 × 1, BT 5.0 × 1 |

| 5. NGUỒN ĐIỆN | |
|---|---|
| **Điện áp đầu vào** | 100 to 240 VAC, 50/60 Hz |

| 5. NGUỒN ĐIỆN | |
|---|---|
| **Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ** | ≤ 0.5 W |
| **Công suất tiêu thụ** | 90W (điển hình), 150W (tối đa) |

| 6. MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG | |
|---|---|
| **Nhiệt độ hoạt động** | 0 ℃ đến 40 ℃ (32 ℉ đến 104 ℉) |
| **Độ ẩm hoạt động** | 10% đến 80% RH (có ngưng tụ) |
| **Nhiệt độ lưu trữ** | -20 ℃ đến 60 ℃ (-4 ℉ đến 140 ℉) |
| **Độ ẩm lưu trữ** | 10% đến 90% RH (có ngưng tụ) |

| 7. THÔNG TIN CHUNG | |
|---|---|
| **Định dạng tệp đa phương tiện** | DAT, VOB, TS, AVI, MKV, MOV, 3GP, FLV, ASF, MP3, WMA, OGG, JPG, BMP, PNG |
| **Kiểu lắp đặt** | Gắn tường (theo chiều ngang hoặc chiều dọc) |
| **Kích thước sản phẩm (R × C × S)** | 1125.8mm × 646.8mm × 41 mm (không bao gồm tấm đỡ gắn tường)<br>1125.8mm × 646.8mm × 71 mm (bao gồm tấm đỡ gắn tường) |
| **Kích thước đóng gói (R × C × S)** | 1250 mm × 760 mm × 128 mm |
| **Khối lượng tịnh** | 12.6 kg |
| **Tổng khối lượng** | 17.3 kg |
| **Danh sách phụ kiện đóng gói** | Màn hình quảng cáo kỹ thuật số × 1; tấm đỡ gắn tường (bao gồm bộ bu-lông lắp đặt) × 1; dây nguồn chuẩn châu Âu × 1; cáp RS232 × 1; điều khiển từ xa × 1; hướng dẫn sử dụng × 1; hướng dẫn khởi động nhanh × 1; tài liệu tuân thủ quy định và an toàn × 1; tem logo × 1; nhãn hiệu suất năng lượng × 1 |